

KẾ HOẠCH

thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU, ngày 16/3/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (gọi tắt là *Chương trình hành động số 16-CTr/TU*), Ban Thường vụ Đảng ủy xã Bình Lư xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động số 16-CTr/TU phù hợp điều kiện, tình hình thực tiễn của xã.

- Tạo sự chuyển biến rõ nét, toàn diện trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng hiện đại, bền vững; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương về đất đai, khí hậu, cảnh quan và bản sắc văn hóa để phát triển nông nghiệp hàng hóa, du lịch cộng đồng và các ngành nghề nông thôn; từng bước hình thành các vùng sản xuất tập trung, sản phẩm chủ lực có giá trị gia tăng cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò chủ thể của người dân, vai trò đồng hành của doanh nghiệp, hợp tác xã trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh trên địa bàn.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện phải bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của cấp ủy, chính quyền; sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, đoàn thể và sự tham gia tích cực của Nhân dân; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, cá nhân trong tổ chức thực hiện.

- Các nhiệm vụ, giải pháp phải được cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hằng năm, bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của xã; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của từng bản, từng lĩnh vực; có lộ trình, bước đi phù hợp, tránh dàn trải, hình thức.

- Phát huy tối đa nội lực, đồng thời tranh thủ hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn lực xã hội hóa và các thành phần kinh tế; ưu tiên đầu tư cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, nhất là hạ tầng thiết yếu và các mô hình sản xuất hiệu quả.

- Gắn phát triển nông nghiệp, nông thôn với bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, văn minh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển nông nghiệp xã Bình Lư theo hướng hiện đại, sinh thái, bền vững; đẩy mạnh sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế địa phương để xây dựng các sản phẩm chủ lực có thương hiệu, nâng cao năng suất, chất lượng và thu nhập cho người dân.

Xây dựng nông thôn mới theo hướng văn minh, hiện đại, giàu bản sắc; phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, kinh tế nông thôn, du lịch cộng đồng; cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, tạo chuyển biến rõ nét về diện mạo nông thôn, từng bước đưa Bình Lư trở thành điểm sáng phát triển của khu vực.

Xây dựng người nông dân Bình Lư có tri thức, kỹ năng, khát vọng vươn lên; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giữ vững quốc phòng - an ninh, tạo nền tảng vững chắc để phát triển nhanh, bền vững, hướng tới mục tiêu xây dựng xã Bình Lư giàu đẹp, văn minh trong giai đoạn mới.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Về phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 10.000 tấn.

- Duy trì diện tích các cây trồng chủ lực dong riêng, lúa hàng hóa, cây ăn quả; phát triển vùng sản xuất tập trung, nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích.

- Phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung, nâng tổng đàn gia súc đạt khoảng 11.000 con, gia cầm trên 160.000 con; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là cá nước lạnh.

- Hình thành và phát triển các sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên; 100% sản phẩm chủ lực được truy xuất nguồn gốc.

- Tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; phát triển hợp tác xã, phấn đấu toàn xã có 37 hợp tác xã, trong đó thành lập mới ít nhất 11 hợp tác xã.

2.2. Về xây dựng nông thôn mới và phát triển kết cấu hạ tầng

- Phấn đấu xây dựng xã Bình Lư đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2030.

- Duy trì và nâng cấp 100% đường xã, đường bản được cứng hóa, bảo đảm đi lại thuận lợi.

- 100% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 100% dân số sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, trong đó 60% sử dụng nước sạch.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 90%; xây dựng cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp.

2.3. Về phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và giảm nghèo

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 59 triệu đồng/người/năm. Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hằng năm 18%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1%/năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70,5%, trong tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32% trở lên.

2.4. Về phát triển du lịch và dịch vụ nông thôn

- Tổng lượt khách du lịch đạt khoảng 900.000 lượt trong giai đoạn; doanh thu du lịch ước đạt 400 tỷ đồng.

- Xây dựng mới ít nhất 01 điểm du lịch cộng đồng, phát triển các sản phẩm du lịch gắn với văn hóa, nông nghiệp và trải nghiệm.

- Hình thành các điểm giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương; đẩy mạnh thương mại điện tử trong tiêu thụ nông sản.

2.5. Về văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế

- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 100%; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường: Mẫu giáo 99,8%, tiểu học 99,9%, trung học cơ sở 98%.

- Duy trì xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 96%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi 14,5%.

- Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa 90% trở lên; tỷ lệ bản, khu dân cư văn hóa đạt 90% trở lên. Duy trì 100% bản có nhà văn hóa, từng bước nâng tỷ lệ đạt chuẩn theo quy định.

2.6. Về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 59,55%, nâng cao chất lượng rừng và phát triển lâm nghiệp bền vững.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước; kiểm soát ô nhiễm môi trường, xử lý rác thải nông thôn. Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, thân thiện môi trường.

3. Mục tiêu đến năm 2045

- Xây dựng xã Bình Lư phát triển toàn diện, bền vững với nền nông nghiệp hiện đại, sinh thái, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ và chuyển đổi số; sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị, có thương hiệu và sức cạnh tranh cao.

- Phát triển nông thôn mới văn minh, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; kết cấu hạ tầng đồng bộ, môi trường sinh thái được bảo vệ, cảnh quan nông thôn xanh - sạch - đẹp, thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân; phát triển kinh tế nông thôn đa dạng gắn với du lịch, thương mại, dịch vụ; xây dựng người nông dân có tri thức, kỹ năng; hệ thống chính trị vững mạnh, bảo đảm quốc phòng - an ninh, hướng tới xây dựng Bình Lư trở thành địa phương phát triển khá trong khu vực.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Khẳng định vai trò nền tảng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tổ chức sản xuất theo hướng hàng hóa, bền vững

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nền tảng quan trọng, giữ vai trò trụ đỡ của nền kinh tế địa phương; xác định người nông dân là chủ thể trung tâm trong phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Tập trung chỉ đạo chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã, ưu tiên phát triển các cây trồng, vật nuôi có lợi thế, giá trị kinh tế cao; khuyến khích phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, quy mô phù hợp.

- Phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương để phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực như lúa hàng hóa, chè, dong riềng, cây ăn quả, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi thủy sản, đặc biệt là cá nước lạnh. Duy trì, chăm sóc và nâng cao chất lượng vùng chè hiện có khoảng 258 ha; ổn định diện tích lúa hàng hóa, từng bước mở rộng vùng sản xuất tập trung gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp. Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, nâng tổng đàn gia súc đạt khoảng 11.000 con, đàn gia cầm trên 160.000 con; khai thác hiệu quả diện tích ao, hồ và điều kiện tự nhiên để phát triển thủy sản có giá trị kinh tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao (nhà màng, tưới tiết kiệm, giống mới), phấn đấu hình thành từ 04 - 05 ha sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tăng cường liên kết sản xuất theo

chuỗi giá trị giữa người dân với hợp tác xã, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP, thực hiện truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực của xã. Đồng thời, tiếp tục phát triển lâm nghiệp bền vững, bảo vệ diện tích rừng hiện có, nâng tỷ lệ che phủ rừng; khai thác hiệu quả lâm sản ngoài gỗ, gắn với phát triển kinh tế dưới tán rừng và du lịch sinh thái.

2. Tổ chức triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách; huy động nguồn lực phát triển nông nghiệp, nông thôn

- Cụ thể hóa và tổ chức triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện của xã. Chủ động rà soát, đề xuất các cơ chế hỗ trợ sản xuất, khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận các chính sách về vốn, khoa học kỹ thuật, đào tạo nghề.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện các Đề án, Nghị quyết của tỉnh phù hợp với điều kiện của xã: Nghị quyết phát triển nông nghiệp hàng hóa, dược liệu, kinh tế xanh giai đoạn 2026 - 2030; Nghị quyết về xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030.

- Tăng cường huy động và lồng ghép hiệu quả các nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án, nguồn xã hội hóa để đầu tư phát triển sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, xây dựng mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển xanh thích ứng với biến đổi khí hậu; hỗ trợ áp dụng quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn như: VietGAP, tiêu chuẩn hữu cơ,... hỗ trợ cấp mã số vùng trồng và chứng nhận liên quan. Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hình thành chuỗi giá trị bền vững.

3. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng sản phẩm chủ lực của xã

- Tiếp tục tổ chức lại sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; phát triển nền nông nghiệp hàng hóa tập trung, đa giá trị, gắn sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát huy lợi thế tự nhiên, khí hậu, đất đai của địa phương để phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã như lúa hàng hóa, chè, dong riềng, cây ăn quả, rau màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi thủy sản, đặc biệt là cá nước lạnh. Duy trì, chăm sóc và nâng cao chất lượng vùng chè hiện có khoảng 258 ha; ổn định và nâng cao hiệu quả vùng sản xuất lúa hàng hóa; từng bước mở rộng diện tích cây trồng có giá trị kinh tế cao, phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa, chuyển đổi số và các quy trình sản xuất an toàn trong nông nghiệp; khuyến khích người dân, hợp tác xã áp dụng

các tiêu chuẩn sản xuất như VietGAP, sản xuất hữu cơ, sản xuất tuần hoàn, giảm phát thải, thân thiện với môi trường. Đối với các vùng sản xuất hiện có, tập trung đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất, chất lượng, xây dựng vùng nguyên liệu ổn định; đối với các vùng phát triển mới, định hướng tổ chức sản xuất ngay từ đầu theo hướng an toàn, có truy xuất nguồn gốc, từng bước thực hiện cấp mã số vùng trồng đối với các sản phẩm đủ điều kiện.

- Rà soát, bố trí và sử dụng hiệu quả quỹ đất phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới; từng bước chuyển đổi diện tích sản xuất hiệu quả thấp sang các cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, tập trung, bán tập trung; khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, gia trại gắn với xử lý chất thải, bảo vệ môi trường. Khai thác hiệu quả diện tích ao, hồ, nguồn nước tự nhiên để phát triển thủy sản hàng hóa, nâng cao giá trị sản xuất.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi và phát triển rừng bền vững; khai thác hiệu quả lâm sản ngoài gỗ, phát triển kinh tế dưới tán rừng gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển du lịch trải nghiệm. Từng bước nghiên cứu, mở rộng các loại cây dược liệu, cây bản địa có giá trị kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương.

- Thu hút, tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia đầu tư, liên kết với người dân trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; phát triển các sản phẩm OCOP và sản phẩm đặc trưng của xã gắn với xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường tiêu thụ. Khuyến khích các hộ sản xuất tham gia hợp tác xã, tổ hợp tác để phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế nông thôn bền vững.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn, thúc đẩy chuyển giao khoa học kỹ thuật

- Tăng cường công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thực tế và định hướng phát triển kinh tế của xã; chú trọng đào tạo nghề trong lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn. Đẩy mạnh công tác tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hướng dẫn người dân áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Khuyến khích người dân đổi mới tư duy sản xuất, phát triển kinh tế hộ theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; hỗ trợ tiếp cận công nghệ mới, ứng dụng cơ giới hóa, tự động hóa trong một số khâu sản xuất. Từng bước hình thành lực lượng lao động nông thôn có kỹ năng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong giai đoạn mới.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ người dân tiếp cận vốn, tạo điều kiện để người dân tham gia khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành dịch vụ, chế biến ở nông thôn tham gia vào chuỗi giá trị

5. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các tiêu chí xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững; gắn xây dựng nông thôn mới với phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập và chất lượng đời sống của người dân. Phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

- Đẩy mạnh phát triển các hoạt động dịch vụ, thương mại, du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống gắn với phát triển kinh tế. Đồng thời, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng môi trường sống an toàn, văn minh.

6. Đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

- Tập trung đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn, đảm bảo kết nối thuận lợi giữa các bản; phục vụ hiệu quả nhu cầu đi lại và phát triển sản xuất. Từng bước hoàn thiện hệ thống thủy lợi, đảm bảo chủ động nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp; nâng cao hiệu quả các công trình hiện có.

- Quan tâm đầu tư hệ thống cấp nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn; nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước hợp vệ sinh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành hạ tầng; nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình phục vụ dân sinh.

- Hoàn thiện quy hoạch đảm bảo phù hợp và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế nông thôn.

7. Bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Tăng cường công tác quản lý tài nguyên đất đai, nước, rừng; sử dụng hiệu quả, tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong Nhân dân; tổ chức thu gom, phân loại và xử lý rác thải sinh hoạt theo quy định.

- Khuyến khích phát triển các mô hình sản xuất thân thiện môi trường, sử dụng chế phẩm sinh học, tái chế phụ phẩm nông nghiệp; giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong sản xuất và sinh hoạt. Chủ động xây dựng phương án phòng, chống thiên tai; nâng cao năng lực ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu gây ra.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các chi, đảng bộ trực thuộc tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Kết luận số 219-KL/TW, Chương trình hành động số 16-CTr/TU và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị; tăng cường kiểm tra, giám sát.

2. UBND xã cụ thể hóa Kế hoạch thành các chương trình, nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy.

3. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy hướng dẫn nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 16-CTr/TU và Kế hoạch này.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch; đẩy mạnh công tác giám sát và phản biện xã hội đối với việc triển khai thực hiện trên địa bàn.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy (b/c),
- Các cơ quan, đơn vị,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Các đồng chí Ủy viên BCH Đảng bộ xã,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Tạ Thị Dung